

Số: 513/QĐ-UBND

Vinh Long, ngày 19 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” tại tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 5648/QĐ-BNN-KH ngày 22/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 12/TTr- SNN&PTNT ngày 26/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” tại tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra, giám sát triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” tại tỉnh Vĩnh Long; Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả triển khai Kế hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT.4.01.05

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

KẾ HOẠCH**Thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” tại tỉnh Vĩnh Long**

(Ban hành theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-TTg, ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 5648/QĐ-BNN-KH ngày 22/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-UBND, ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Nhằm định hướng và đề ra giải pháp thúc đẩy phát triển vùng sản xuất chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh theo hướng canh tác bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập và đời sống của người dân trồng lúa, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” tại tỉnh Vĩnh Long với các nội dung như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Mục tiêu của kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 xác định đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, hướng đến phát triển bền vững. Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, chất lượng và hiệu quả, giá trị gia tăng cao, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó, phát triển sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, thâm canh quy mô lớn có liên kết sản xuất -

tiêu thụ. Trọng tâm nhất, thực hiện đẩy mạnh các hoạt động tổ chức sản xuất, sơ chế, chế biến, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường; xây dựng chương trình hỗ trợ, phát triển nhóm sản phẩm nông sản chủ lực và tiềm năng của tỉnh theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Vĩnh Long. Đồng thời, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 01/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2030, Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ban hành Nghị quyết số 45/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Nghị quyết đã quy định chính sách hỗ trợ về ứng dụng công nghệ cao lĩnh vực trồng trọt và sử dụng phân hữu cơ đối với cơ sở có sản xuất các nông sản trồng trọt chủ lực (cây lúa). Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 24/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2030. Kế hoạch đã đưa ra chỉ tiêu phân đầu đến năm 2025: Diện tích đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt 1,5% trong tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp (khoảng 1.890 ha; trong đó, lúa 900 ha) và đến năm 2030: Diện tích đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt 3% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp (khoảng 3.750 ha; trong đó, lúa 1.800 ha). Cho đến nay, diện tích gieo trồng lúa cả năm 2023 đạt 112.699 ha, chiếm 70,61% tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm trên địa bàn tỉnh. Trong đó, diện tích lúa đạt tiêu chuẩn chứng nhận hữu cơ: 30 ha. Ước tính năng suất đạt 59,74 tạ/ha, sản lượng thu hoạch đạt 673,2 nghìn tấn.

Thực hiện theo Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch sản xuất cây trồng chủ lực và tiềm năng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, diện tích gieo trồng lúa ổn định 100.000 ha (năm 2025) và 90.000 ha (năm 2030) tập trung tại các huyện Vũng Liêm, Tam Bình, Long Hồ, Bình Tân, Mang Thít và một phần của huyện Trà Ôn và thị xã Bình Minh. Theo đó, định hướng chung cho phát triển vùng chuyên canh lúa, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, nâng cao diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, tiêu chuẩn hữu cơ để mở rộng thị trường xuất khẩu. Các vùng sản xuất lúa có tiềm năng từng bước hình thành với quy mô tập trung, có thể triển khai áp dụng những tiến bộ kỹ thuật cho năng suất, chất lượng cao, phát triển theo chuỗi giá trị, canh tác bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nhằm góp phần tham gia thực hiện theo Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”, tỉnh Vĩnh Long đã đăng ký thực hiện với quy mô 20.000 ha trên địa bàn tỉnh. Riêng năm 2024 đăng ký tham gia với diện tích canh tác lúa 3.203 ha tại các huyện: Vũng Liêm, Long Hồ, Tam Bình và Bình Tân.

Mục tiêu của Đề án đã xác định các chỉ tiêu cụ thể của vùng sản xuất lúa cần đạt được về quy mô diện tích, canh tác bền vững, tổ chức sản xuất, bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh, thu nhập người trồng lúa, giá trị gia tăng, xây dựng thương hiệu và xuất khẩu. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch xác định các nội dung, giải pháp thực hiện trên địa bàn tỉnh để đáp ứng các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của Đề án là rất cần thiết nhằm góp phần xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững, có sức cạnh tranh cao; góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, ổn định kinh tế xã hội, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai có hiệu quả Quyết định số 1490/QĐ-TTg, ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” và các văn bản có liên quan đến thực hiện thành công mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long.

2. Yêu cầu

Xác định cụ thể nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các sở, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan có kế hoạch triển khai đạt nhiệm vụ thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Phát triển các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh, dựa trên lợi thế về đất đai, thời tiết và khí hậu của tỉnh Vĩnh Long theo Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Chương trình hành động phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Triển khai hiệu quả công tác tổ chức lại sản xuất, đảm bảo kết cấu hạ tầng, sản xuất bền vững, liên kết sản xuất, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường sản phẩm gạo chất lượng cao và phát thải thấp cho các vùng chuyên canh lúa đảm bảo về tăng trưởng xanh theo Đề án. Tăng cường ứng dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học công nghệ, đảm bảo sản xuất bền vững, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu; áp dụng các quy trình xử lý rơm rạ, chuyển giao cho vùng sản xuất. Xây dựng các mô hình trình diễn, tập huấn, chuyển giao cho các hộ nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức của nông dân đảm bảo thực hiện theo các nội dung của Đề án.

Huy động các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển sản xuất, hỗ trợ kỹ thuật; tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ các đối tượng tham gia Đề án.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đạt hiệu quả cao;

Hình thành các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh đã đăng ký tham gia Đề án với tổ chức lại hệ thống sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng các quy trình canh tác bền vững nhằm gia tăng giá trị, góp phần phát triển bền vững ngành lúa gạo, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu nhập và đời sống của người trồng lúa, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025:

- Về quy mô: Diện tích canh tác vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp đạt 3.203 ha.

- Về canh tác bền vững: Tại các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp, giảm lượng giống gieo sạ còn từ 80 - 100 kg/ha, giảm 20% lượng phân bón hoá học và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học, giảm 20% lượng nước tưới so với canh tác truyền thống, 100% diện tích áp dụng ít nhất một quy trình canh tác bền vững như “1 phải 5 giảm”, tưới ngập khô xen kẽ, tiêu chuẩn sản xuất lúa bền vững (Sustainable Rice Platform - SRP), các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận và được cấp mã số vùng trồng.

- Về tổ chức lại sản xuất:

+ 100% diện tích sản xuất vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp có liên kết giữa doanh nghiệp với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các tổ chức của nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

+ Tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 50% diện tích.

+ Trên 3.000 hộ áp dụng quy trình canh tác bền vững.

- Về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh:

+ Tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch dưới 10%.

+ 70% rơm tại các vùng chuyên canh được thu gom khỏi đồng ruộng và được chế biến tái sử dụng.

+ Giảm trên 10% lượng phát thải khí nhà kính so với canh tác lúa truyền thống.

- Về thu nhập người trồng lúa, giá trị gia tăng: Giá trị gia tăng trong chuỗi lúa gạo tăng 30%, trong đó tỷ suất lợi nhuận của người trồng lúa đạt trên 40%;

- Xây dựng thương hiệu và xuất khẩu: Lượng gạo xuất khẩu chất lượng cao và phát thải thấp chiếm trên 20% tổng lượng gạo xuất khẩu của toàn vùng chuyên canh.

b) Mục tiêu đến năm 2030:

- Về quy mô: Diện tích canh tác vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp đạt 20.000 ha.

- Về canh tác bền vững: Giảm lượng lúa giống gieo sạ xuống dưới 70 kg/ha, giảm 30% lượng phân bón hoá học và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học, giảm 20% lượng nước tưới so với canh tác truyền thống. 100% diện tích áp dụng ít nhất một quy trình canh tác bền vững như 1 phải 5 giảm, SRP, tưới ngập khô xen kẽ và các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận và được cấp mã số vùng trồng.

- Về tổ chức sản xuất:

+ 100% diện tích sản xuất vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp có liên kết giữa doanh nghiệp với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các tổ chức của nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

+ Tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 70% diện tích.

+ Trên 20.000 hộ áp dụng quy trình canh tác bền vững.

- Về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh:

+ Tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch dưới 8%.

+ 100% rơm được thu gom khỏi đồng ruộng và được chế biến tái sử dụng.

+ Giảm trên 10% lượng phát thải khí nhà kính so với canh tác lúa truyền thống.

- Về thu nhập người trồng lúa, giá trị gia tăng: giá trị gia tăng trong chuỗi lúa

gạo tăng 40%, trong đó tỷ suất lợi nhuận người trồng lúa đạt trên 50%.

- Xây dựng thương hiệu và xuất khẩu: Lượng gạo xuất khẩu mang thương hiệu chất lượng cao, phát thải thấp chiếm trên 20% tổng lượng gạo xuất khẩu của toàn vùng chuyên canh.

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Địa điểm thực hiện: tại các huyện Vũng Liêm, Long Hồ, Bình Tân, Tam Bình, Trà Ôn, Mang Thít và thị xã Bình Minh.

2. Kế hoạch triển khai theo 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (2024-2025): Các huyện Vũng Liêm, Long Hồ, Bình Tân, Tam Bình rà soát, chọn vùng tham gia thực hiện Đề án theo tiêu chí tại Phụ lục 1, đồng thời xây dựng kế hoạch đăng ký, triển khai thực hiện theo từng năm tại Phụ lục 2. Trong đó, tập trung hoàn thiện các tiêu chí về quy hoạch và cơ sở hạ tầng; canh tác bền vững và tăng trưởng xanh; tổ chức sản xuất; doanh nghiệp tham gia liên kết và chuẩn bị kế hoạch cho giai đoạn 2026 - 2030. Tiếp cận, ứng dụng hệ thống Đo đạc-Báo cáo-Thẩm định (MRV) làm cơ sở cấp tín chỉ các-bon cho các diện tích đã áp dụng quy trình canh tác lúa phát thải thấp, hướng tới thị trường tín chỉ các-bon.

- Giai đoạn 2 (2026 - 2030): Các huyện Vũng Liêm, Long Hồ, Bình Tân, Tam Bình, Trà Ôn, Mang Thít và thị xã Bình Minh rà soát, chọn vùng tham gia thực hiện Đề án theo tiêu chí tại Phụ lục 1 đối với các vùng mở rộng, đảm bảo diện tích đăng ký thực hiện 20.000 ha trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục 3. Giai đoạn này sẽ tập trung vào các hoạt động chủ yếu như đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho những vùng diện tích mới, tổ chức lại sản xuất, xây dựng chuỗi giá trị, hoàn thiện ứng dụng hệ thống MRV, đồng thời duy trì sản xuất bền vững ở những vùng đã đạt các mục tiêu của Đề án.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Quy hoạch vùng sản xuất

Dựa trên các tiêu chí đăng ký tham gia Đề án, rà soát, xác định vùng sản xuất lúa tập trung, được quy hoạch là đất chuyên trồng lúa trong quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030.

2. Rà soát, áp dụng, hoàn thiện các gói kỹ thuật đảm bảo tiêu chí phát triển bền vững

Áp dụng các gói kỹ thuật về canh tác lúa đảm bảo sản xuất bền vững, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển giao các quy trình xử lý rơm rạ cho hộ nông dân, hợp tác xã. Xây dựng các mô hình trình diễn, tập huấn cho các hộ nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức của nông dân.

Ứng dụng hệ thống Đo đạc-Báo cáo-Thẩm định (MRV) làm cơ sở cấp tín chỉ các-bon cho các diện tích đã áp dụng quy trình canh tác lúa phát thải thấp, hướng tới thị trường tín chỉ các-bon trong và ngoài nước.

3. Tổ chức lại sản xuất và đào tạo tập huấn nâng cao năng lực

- Các hộ trồng lúa, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia Đề án đăng ký tham gia và cam kết thực hiện quy trình canh tác lúa bền vững và phát thải thấp.

- Tổ chức các hộ trồng lúa thành các hợp tác xã, tổ hợp tác hay các tổ chức của nông dân. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia Đề án ký kết hợp đồng liên kết với các hợp tác xã, hộ sản xuất để cung cấp đầu vào chất lượng, hỗ trợ kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm đầu ra cho hộ trồng lúa.

- Kết nối vùng sản xuất chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp với các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm logistics gắn với vùng chuyên canh có sự tham gia của các hợp tác xã và doanh nghiệp.

- Tập huấn, chuyển giao cho hộ trồng lúa và hợp tác xã biện pháp canh tác bền vững, biện pháp xử lý rơm rạ, các kiến thức bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, kiến thức quản trị, kinh doanh, thị trường, chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác khuyến nông đào tạo, chuyển giao công nghệ cho phát triển sản xuất lúa phát thải thấp, trong đó ưu tiên nâng cao năng lực cho tổ chức khuyến nông cộng đồng.

4. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng tại vùng chuyên canh

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, hoàn thiện các công trình thủy lợi kết hợp với các công trình giao thông để chủ động tưới, tiêu, ứng phó tốt với thiên tai triều cường, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn và thuận lợi cho máy móc, thiết bị, phương tiện vận hành, di chuyển.

- Rà soát mạng lưới kho, sấy, chế biến trong vùng chuyên canh lúa để tạo điều kiện về mặt bằng cho doanh nghiệp liên kết sản xuất - tiêu thụ mở rộng cơ sở sấy, chế biến để nâng cao hiệu quả và quy mô liên kết.

- Thu hút các doanh nghiệp lựa chọn đặt các nhà máy sản xuất chế biến, trung tâm logistics phục vụ các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp, bảo đảm cung cấp tốt các dịch vụ kỹ thuật và bảo quản sau thu hoạch.

5. Áp dụng hiệu quả các cơ chế, chính sách

- Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ các đối tượng tham gia Đề án, các hộ nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp; các chính sách khác cho các hộ nông dân trồng lúa.

- Triển khai các chính sách hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp giữa hợp tác xã, tổ hợp tác với các doanh nghiệp.

- Thực hiện chi trả tín chỉ các-bon dựa vào kết quả cho vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp.

- Xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu và phát triển thị trường sản phẩm gạo chất lượng cao và phát thải thấp.

- Ưu tiên thực hiện các chính sách hiện hành hỗ trợ hộ trồng lúa, hợp tác xã, doanh nghiệp trong vùng thực hiện Đề án.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước trung ương và địa phương.

- Nguồn tín dụng, nguồn xã hội hóa từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Các nguồn vốn tài trợ không hoàn lại, nguồn vốn vay hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn hỗ trợ quốc tế khác.

- Nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp các sở ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi kết quả thực hiện kế hoạch, tổng hợp khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp thực hiện, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tham mưu, xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho phát triển vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp của tỉnh;

- Phối hợp các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã vận động phát triển các Hợp tác xã nông nghiệp, thành lập Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp lúa chất lượng cao trên các địa bàn tham gia đề án.

- Phối hợp với Sở Tài Nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo về diện tích canh tác vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp đã đăng ký tham gia Đề án; tham gia xây dựng các tiêu chí, quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính đối với vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp trên địa bàn tỉnh; thực hiện chi trả tín chỉ các-bon dựa vào kết quả cho vùng sản xuất chuyên lúa chất lượng cao và phát thải thấp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tín dụng khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách đầu tư của tỉnh Vĩnh Long.

3. Sở Tài Nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã rà soát quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất trồng lúa tham gia Đề án.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thực hiện công tác đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính; công tác chi trả tín chỉ các-bon theo Đề án.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo khả năng cân đối và phân cấp ngân sách để thực hiện kế hoạch theo quy định hiện hành.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 118/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ và các chương trình, chính sách tín dụng xanh có liên quan đến sản xuất nông nghiệp theo quy định.

6. Hội Nông dân tỉnh

- Xây dựng kế hoạch, chương trình hành động phối hợp với các sở ngành, UBND các huyện, thị xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

- Tăng cường tuyên truyền cho hội viên, nông dân, các tổ chức sản xuất thúc đẩy phát triển vùng sản xuất chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh; vận động hội viên, nông dân, các tổ chức sản xuất tăng cường áp dụng canh tác bền vững và tăng trưởng xanh, thông qua các hội nghị, hội thảo để người dân biết và hưởng ứng thực hiện.

7. Liên minh hợp tác xã tỉnh

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã trong triển khai cơ chế, chính sách và thực hiện phát triển kinh tế tập thể; kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất theo chuỗi liên kết, thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các tổ chức của nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường hỗ trợ hợp tác xã tiếp cận nguồn vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; có chính sách hỗ trợ các hợp tác xã phát triển, đặc biệt trong khâu hỗ trợ liên doanh, hỗ trợ kết nối doanh nghiệp tham gia liên kết với hợp tác xã về phát triển sản xuất, bao tiêu sản phẩm, thị trường tiêu thụ.

8. Các sở, ngành tỉnh

Các sở, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành tỉnh xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” tại tỉnh Vĩnh Long.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành tỉnh rà soát, xác định các vùng đạt tiêu chí, đăng ký và xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện; bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành tỉnh đề xuất cơ chế, chính sách, thu hút doanh nghiệp đầu tư; hỗ trợ phát triển hợp tác xã, đào tạo nhân lực quản lý hợp tác xã, nâng cao cơ sở hạ tầng để tham gia chuỗi giá trị sản xuất lúa bền vững.

10. Chế độ báo cáo

- Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm, tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

- Yêu cầu sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã khẩn trương phối hợp thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung Kế hoạch nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, các đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC 1
TIÊU CHÍ LỰA CHỌN VÙNG THAM GIA ĐỀ ÁN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Tiêu chí về quy hoạch và cơ sở hạ tầng

- Được quy hoạch là đất chuyên trồng lúa trong quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030, phù hợp với quy hoạch cấp tỉnh và Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng tham gia có diện tích tối thiểu là 50 ha.

- Có hệ thống hạ tầng thủy lợi được đầu tư cơ bản; hạ tầng điện, viễn thông và hậu cần đảm bảo hỗ trợ tốt cho sản xuất, chế biến kinh doanh lúa gạo.

2. Tiêu chí canh tác bền vững và tăng trưởng xanh

- Vùng được đề xuất hiện có trên 20% diện tích canh tác lúa đã áp dụng một trong các quy trình canh tác bền vững như 1 phải 5 giảm, tưới ngập khô xen kẽ tiêu chuẩn SRP hoặc các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận.

- Trên 70% diện tích canh tác lúa đã sử dụng giống lúa xác nhận hoặc tương đương.

- 100% hộ trong vùng cam kết thu gom rơm khỏi đồng ruộng để chế biến tái sử dụng.

3. Tiêu chí về tổ chức sản xuất

- Diện tích đã liên kết đạt trên 30% tổng diện tích, trong đó có 50% số hộ trong vùng tham gia liên kết thông qua các hợp tác xã, tổ hợp tác và liên kết với doanh nghiệp.

- Trên 40% hộ trong vùng đã được tập huấn quy trình canh tác bền vững như 1 phải 5 giảm, tưới ngập khô xen kẽ, tiêu chuẩn sản xuất lúa bền vững hoặc các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận.

- Có tổ chức khuyến nông tham gia hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân.

4. Tiêu chí doanh nghiệp tham gia liên kết

- Doanh nghiệp tham gia Đề án phải có liên kết với hợp tác xã hoặc tổ chức nông dân ít nhất về bao tiêu sản phẩm.

- Doanh nghiệp cam kết tham gia Đề án và có năng lực để tổ chức, giám sát quá trình sản xuất lúa gạo ở vùng liên kết.

PHỤ LỤC 2
DIỆN TÍCH THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NĂM 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

TT	Huyện	Diện tích thực hiện (ha)		Ghi chú
		Năm 2024	Năm 2025	
I. Huyện Vũng Liêm				
III	Huyện Vũng Liêm	0	0	
1	Xã Tân An Luông	700	700	
2	Xã Trung Ngãi	350	350	
3	Xã Hiếu Phụng	150	150	
Tổng:		1.200	1.200	
II. Huyện Long Hồ				
1	Xã Long Phước	150	150	
2	Xã Long An	100	100	
3	Xã Phú Đức	130	130	
4	Xã Thạnh Quới	100	100	
Tổng:		480	480	
III. Huyện Bình Tân				
01	Xã Nguyễn Văn Thành	200	200	
02	Xã Mỹ Thuận	300	300	
Tổng:		500	500	
IV. Huyện Tam Bình				
1	Xã Mỹ Lộc	100	100	
2	Xã Phú Lộc	100	100	
3	Xã Tân Lộc	100	100	
4	Xã Hòa Thạnh	100	100	
5	Xã Hòa Hiệp	100	100	
6	Xã Hòa Lộc	100	100	
7	Xã Phú Thịnh	273	273	
8	Xã Tân Phú	150	150	
Tổng:		1.203	1.203	
Tổng cộng:		3.203	3.203	

PHỤ LỤC 3
DIỆN TÍCH THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NĂM 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

TT	Huyện	Diện tích thực hiện (ha)		Đăng ký diện tích (ha)	Ghi chú
		Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026-2030	
I. Huyện Vũng Liêm					
III	Huyện Vũng Liêm	0	0	0	
1	Xã Tân An Luông	700	700	700	
2	Xã Trung Ngãi	350	350	600	
3	Xã Hiếu Phụng	150	150	720	
4	Xã Trung Hiệp			600	
5	Xã Trung Hiếu			650	
6	Xã Trung An			650	
7	Xã Trung Chánh			250	
8	Xã Hiếu Thuận			430	
9	Xã Tân Quới Trung			250	
10	Xã Trung Nghĩa			150	
Tổng:		1.200	1.200	5.000	
II. Huyện Long Hồ					
1	Xã Long Phước	150	150	250	
2	Xã Long An	100	100	650	
3	Xã Phú Đức	130	130	550	
4	Xã Thạnh Quới	100	100	750	
5	Xã Phước Hậu			150	
6	Xã Hòa Phú			150	
7	Xã Lộc Hòa			200	
8	Xã Phú Quới			200	
Tổng:		480	480	2.900	
III. Huyện Bình Tân					
01	Xã Nguyễn Văn Thành	200	200	800	
02	Xã Mỹ Thuận	300	300	578	
Tổng:		500	500	1.378	
IV. Huyện Tam Bình					
1	Xã Mỹ Lộc	100	100	460	
2	Xã Phú Lộc	100	100	580	
3	Xã Tân Lộc	100	100	400	
4	Xã Hòa Thạnh	100	100	500	
5	Xã Hòa Hiệp	100	100	390	
6	Xã Hòa Lộc	100	100	442	

TT	Huyện	Diện tích thực hiện (ha)		Đăng ký diện tích (ha)	Ghi chú
		Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026-2030	
7	Xã Phú Thịnh	273	273	898	
8	Xã Tân Phú	150	150	503	
9	Xã Loan Mỹ			216	
10	Xã Hậu Lộc			365	
11	Xã Mỹ Thanh Trung			365	
12	Xã Song Phú			353	
13	Xã Long Phú			550	
Tổng:		1.203	1.203	6.022	
V. Huyện Trà Ôn					
01	Xã Xuân Hiệp			590	
02	Xã Thiện Mỹ			410	
Tổng:		-	-	1.000	
VI. Huyện Mang Thít					
1	Xã Tân Long			330	
2	Xã Tân Long Hội			250	
3	Xã Tân An Hội			320	
4	Xã Hòa Tịnh			280	
5	Xã Long Mỹ			150	
6	Xã Mỹ Phước			120	
7	Xã Mỹ An			200	
8	Xã Nhơn Phú			310	
9	Xã Bình Phước			500	
10	Thị trấn Cái Nhum			340	
Tổng:		-	-	2.800	
VII.Thị xã Bình Minh					
1	Xã Đông Bình			200	
2	Xã Đông Thạnh			300	
3	Xã Đông Thành			200	
4	Xã Thuận An			200	
Tổng:		-	-	900	
Tổng cộng:		3.203	3.203	20.000	